

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học (Primary Teacher Education)

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành tại Quyết định số 183/QĐ-DHAG ngày 6/6/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành giáo dục tiểu học trình độ cao đẳng nhằm đáp ứng được những yêu cầu đổi mới của giáo dục tiểu học trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Các giáo viên tiểu học được đào tạo phải có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe, có năng lực dạy học, giáo dục học sinh theo các yêu cầu của chuẩn giáo viên tiểu học, có khả năng dạy tốt chương trình tiểu học mới cũng như có khả năng đáp ứng những yêu cầu của giáo dục tiểu học trong tương lai.

Sinh viên tốt nghiệp ngành học này sẽ có kỹ năng nghiên cứu, tự bồi dưỡng khoa học giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

Có phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam: thấm nhuần thể giới quan Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên.

1.2.2. Về kiến thức

- Có kiến thức giáo dục đại cương ở mức độ nhất định, nắm vững các kiến thức chuyên môn, bảo đảm dạy tốt các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình tất cả các lớp cấp tiểu học, được nâng cao về 3 môn: Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên và Xã hội. Sinh viên tốt nghiệp có thể học tiếp lên các trình độ cao hơn.

- Có kiến thức cơ bản về Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học; về đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, bước đầu biết vận dụng các kiến thức này vào thực tiễn dạy học, giáo dục học sinh ở trường tiểu học.

- Có kiến thức cơ bản về những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước; về phát triển kinh tế xã hội, giáo dục và văn hóa của đất nước.

- Có hiểu biết về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành. Có kiến thức phổ thông về môi trường, dân số, an ninh, quốc phòng, an toàn giao thông; về quyền trẻ em, y tế học đường để có thể thực hiện giáo dục tích hợp.

- Có hiểu biết về tình hình kinh tế – văn hóa – xã hội, đời sống, phong tục tập quán của địa phương để có thể hòa nhập và góp phần phát triển cộng đồng.

- Được trang bị những thông tin cập nhật về đổi mới giáo dục tiểu học trong nước và khu vực, có khả năng vận dụng đổi mới phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học.

1.2.3. Về kỹ năng

- Biết lập kế hoạch giáo dục cho từng học kỳ và cho cả năm học, biết lập kế hoạch bài học theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá ở tiểu học.

- Biết tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể của học sinh và địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập. Biết dạy cho học sinh phương pháp học tập, đặc biệt biết tự học, phát triển ở học sinh năng lực tự đánh giá. Biết tận dụng các phương tiện công nghệ dạy học, đặc biệt là công nghệ thông tin, vào quá trình dạy học ở tiểu học.

- Khi có nhu cầu, có thể dạy lớp ghép, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc, dạy học sinh khuyết tật, tàn tật theo hướng hòa nhập.

- Biết làm công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động Sao nhi đồng, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Có kỹ năng quản lý lớp học, xây dựng lớp thành tập thể đoàn kết, tự quản. Có khả năng giáo dục học sinh cá biệt. Biết lập sổ sách, xây dựng và lưu trữ hồ sơ về quá trình học tập rèn luyện đạo đức của học sinh.

- Biết giao tiếp và ứng xử thích hợp với học sinh, gia đình học sinh, với đồng nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong cộng đồng.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

96 tín chỉ (chưa kể Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh

Những học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT, trúng tuyển qua kỳ thi tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 262/VBHN-ĐHAG ngày 18/8/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang.

6. Thang điểm

Thang điểm 10 (sau đó quy đổi thành thang điểm 4).

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học phần trước	Học phần song hành	Học phần tiên quyết	Học kỳ (dự kiến)	Trang tra cứu
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm					
I Khối kiến thức giáo dục đại cương 23 TC (Bắt buộc: 23 TC; Tự chọn: 0 TC)												
1	MAX101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2		22	16				I	
2	MAX102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	3		32	26	1			II	
3	HCM101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		21	18	2			III	
4	VRP101	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		32	26	3			IV	
5	ENG101	Tiếng Anh 1	3	3		45					I	
6	ENG102	Tiếng Anh 2	4	4		60		5			II	
7	COS101	Tin học đại cương	3	3		25	40				I	
8	PHT101	Giáo dục thể chất (*)	3*	3*			90				I, II	
9	MIS102	Giáo dục quốc phòng – an ninh (*)	8*	8*		91	69				II,III IV	

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học phần trước	Học phần song hành	Học phần tiên quyết	Học kỳ (dự kiến)	Trang tra cứu
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm					
10	EDU101	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và đào tạo	1	1		15					V	
11	MAT507	Toán học 1 (Tập hợp – Logic) – CĐ GDTH	2	2		25	10				I	
II Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 36 TC (Bắt buộc: 27 TC; Tự chọn: 9 TC)												
12	PSY101	Tâm lý học đại cương	2	2		30					I	
13	PSY103	Tâm lý học lứa tuổi và sự phạm đào tạo giáo viên Tiểu học	2	2		30		12			II	
14	PED101	Giáo dục học 1	2	2		30		12			II	
15	PED113	Giáo dục học 2 đào tạo giáo viên Tiểu học	2	2		30		14			III	
16	PED110	Phương pháp nghiên cứu khoa học – CĐ GDTH	2			15	30				V	
17	STA102	Nhập môn lí thuyết xác suất và thống kê toán – CĐ	2		2	25	10				V	
18	LAS530	Ngữ dụng học – CĐ GDTH	2		2	25	10				V	
19	PRE501	Sinh lý học trẻ em	2			25	10				V	
20	VIE507	Tiếng Việt thực hành – SP	2	2		15	30				I	
21	VIE501	Tiếng Việt 1	3	3		40	10				I	
22	VIE502	Tiếng Việt 2	3	3		40	10	21			II	
23	ARI503	Toán học 2 (Các tập hợp số) – CĐ GDTH	2	2		25	10				II	
24	PRE503	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 1 (Lịch sử, Địa lý) – CĐ GDTH	2	2		25	10				V	
25	PRE505	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 2 (Sinh học, Sức khỏe) – CĐ GDTH	2	2		25	10				III	
26	PED532	Phương pháp công tác Đội thiếu niên tiền phong HCM	2	2		20	20				IV	
27	PED561	Hoạt động ngoài giờ lên lớp, thực hành công tác Đội, Sao nhi đồng	2	2		30					V	
28	PRE514	Thực tập thực tế	1	1			30				III	
29	EDU942	Khóa luận tốt nghiệp – CĐ GDTH	5		5						VI	
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:												
30	PRE919	Phương pháp dạy học toán ở tiểu học 3 (Thực hành giải toán tiểu học) – CĐ GDTH	3			30	30	39			VI	
31	PED511	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 3	2			15	30	38			VI	
32	PRE507	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 3 (Vật lý, Hóa học) – CĐ GDTH	2		5	25	10				VI	
33	COA511	Phương tiện kĩ thuật dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học	3			25	40	7			VI	
34	PED108	Giáo dục môi trường – SP GDTH	2			25	10				VI	
35	GEM507	Hình học sơ cấp	2			25	10				VI	

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học phần trước	Học phần song hành	Học phần tiên quyết	Học kỳ (dự kiến)	Trang tra cứu
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm					
36	VIE508	Từ Hán – Việt	2			25	10	22			VI	
37	LIT503	Văn học	2			25	10				VI	
III Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm 37 TC (Bắt buộc: 33 TC; Tự chọn: 4 TC)												
38	PED304	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	3		15	60	22			III	
39	PED510	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	3		25	40	38			IV	
40	PED305	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 – CD GDTH	4	4		25	70	23			III	
41	PED576	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 – CD GDTH	3	3		25	40	40			IV	
42	PED307	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 (Tự nhiên xã hội và Khoa học)	4	4		25	70	15			IV	
43	PED607	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội 2 (Lịch sử, Địa lý)	2	2		15	30	42			V	
44	PED560	Đạo đức và phương pháp dạy Đạo đức ở tiểu học	3	3		30	30	15			V	
45	PED608	Thủ công và Phương pháp dạy học Thủ công ở tiểu học	3	3		30	30	15			V	
46	PED308	Âm nhạc và Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	2		2	15	30	15			IV	
47	PED303	Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật ở tiểu học	2			20	20	15			IV	
48	PED611	Mỹ thuật và Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	2	2		15	30	15			VI	
49	PED609	Thể dục và Phương pháp dạy học Thể dục – CD GDTH	2		2	20	20	15			VI	
50	PED610	Phương pháp dạy Tiếng Việt cho học sinh dân tộc	2			15	30				VI	
51	EDU903	Kiến tập sư phạm – CD SP	2	2			60				III	
52	EDU919	Thực tập sư phạm – CD GDTH	4	4			120				VI	
Tổng số tín chỉ của toàn chương trình: 96 TC (Bắt buộc: 83 TC; Tự chọn: 13 TC)												

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học kỳ
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	
1	MAX101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2		22	16	I

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học kỳ
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	
2	ENG101	Tiếng Anh 1	3	3		45		
3	PSY101	Tâm lý học đại cương	2	2		30		
4	MAT507	Toán học 1 (Tập hợp – Logic) – CĐ GDTH	2	2		25	10	
5	COS101	Tin học đại cương	3	3		25	40	
6	VIE501	Tiếng Việt 1	3	3		40	10	
7	VIE507	Tiếng Việt thực hành – SP	2	2		15	30	
8	PHT110	Giáo dục thể chất 1 (*)	1*	1*			30	
Tổng số tín chỉ học kỳ I: 17 (Bắt buộc: 17; Tự chọn: 0)								
1	MAX102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	3		32	26	II
2	ENG102	Tiếng Anh 2	4	4		60		
3	PSY103	Tâm lý học lứa tuổi và sự phạm đào tạo giáo viên Tiểu học	2	2		30		
4	PED101	Giáo dục học 1	2	2		30		
5	VIE502	Tiếng Việt 2	3	3		40	10	
6	ARI503	Toán học 2 (Các tập hợp số) – CĐ GDTH	2	2		25	10	
7	PHT121	Giáo dục thể chất 2 (*)	2*	2*			60	
8	MIS150	Giáo dục quốc phòng – an ninh 1 (*)	3*	3*		30	16	
Tổng số tín chỉ học kỳ II: 16 (Bắt buộc: 16; Tự chọn: 0)								
1	HCM101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		21	18	III
2	PED113	Giáo dục học 2 đào tạo giáo viên Tiểu học	2	2		30		
3	PED304	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	3		15	60	
4	PED305	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 – CĐ GDTH	4	4		25	70	
5	PRE505	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 2 (Sinh học, Sức khỏe) – CĐ GDTH	2	2		25	10	
6	EDU903	Kiến tập sự phạm – CĐ SP	2	2			60	
7	PRE514	Thực tập thực tế	1	1			30	
8	MIS160	Giáo dục quốc phòng – an ninh 2 (*)	2*	2*		32	10	
Tổng số tín chỉ học kỳ III: 16 (Bắt buộc: 16; Tự chọn: 0)								
1	VRP101	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		32	26	IV
2	PED307	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 (Tự nhiên xã hội và Khoa học)	4	4		25	70	
3	PED510	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	3		25	40	
4	PED308	Âm nhạc và Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	2		2	15	30	
5	PED303	Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật ở tiểu học	2			20	20	
6	PED576	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 – CĐ GDTH	3	3		25	40	
7	PED532	Phương pháp công tác Đội thiếu niên tiền phong HCM	2	2		20	20	
8	MIS170	Giáo dục quốc phòng – an ninh 3 (*)	3*	3*		29	43	

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học kỳ	
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm		
Tổng số tín chỉ học kỳ IV: 17 (Bắt buộc: 15; Tự chọn: 2)									
1	PED607	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội 2 (Lịch sử, Địa lý)	2	2		15	30	V	
2	PED608	Thủ công và Phương pháp dạy học thủ công ở tiểu học	3	3		30	30		
3	PRE501	Sinh lí học trẻ em	2		2	25	10		
4	LAS530	Ngữ dụng học – SP GDTH	2			25	10		
5	PRE503	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 1 (Lịch sử, Địa lý) – CĐ GDTH	2	2		25	10		
6	PED560	Đạo đức và phương pháp dạy Đạo đức ở tiểu học	3	3		30	30		
7	PED110	Phương pháp nghiên cứu khoa học – CĐ GDTH	2		2	30			
8	STA102	Nhập môn lí thuyết xác suất và thống kê toán – CĐ	2			25	10		
9	PED561	Hoạt động ngoài giờ lên lớp, thực hành công tác Đội, Sao nhi đồng	2	2		30			
10	EDU101	Quản lí hành chính Nhà nước và quản lí ngành giáo dục và đào tạo	1	1		15			
Tổng số tín chỉ học kỳ V: 17 (Bắt buộc: 13; Tự chọn: 4)									
1	PED611	Mỹ thuật và Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	2	2		15	30	VI	
2	PED609	Thể dục và Phương pháp dạy học Thể dục – CĐ GDTH	2		2	20	20		
3	PED610	Phương pháp dạy Tiếng Việt cho học sinh dân tộc	2			15	30		
4	EDU919	Thực tập sư phạm – CĐ GDTH	4	4			120		
5	EDU942	Khóa luận tốt nghiệp – CĐ GDTH	5		5				
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:									
6	PRE919	Phương pháp dạy học toán ở tiểu học 3 (Thực hành giải toán tiểu học) – CĐ GDTH	3		5	30	30		
7	PED511	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 3	2			15	30		
8	PED108	Giáo dục môi trường – SP GDTH	2			25	10		
9	PRE507	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 3 (Vật lý, Hóa học) – CĐ GDTH	2			25	10		
10	COA511	Phương tiện kĩ thuật dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học	3			25	40		
11	VIE508	Từ Hán – Việt	2			25	10		
12	GEM507	Hình học sơ cấp	2			25	10		
13	LIT503	Văn học	2			25	10		
Tổng số tín chỉ học kỳ VI: 13 (Bắt buộc: 6; Tự chọn: 7)									

